| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẢI HẬU**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 227/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-10-2018
V/v ly hôn, con chung
giữa chị H và anh Th

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Bình;
Ông Nguyễn Thành Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Én – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm Nguyễn Vượng, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm Nguyễn Vượng, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Th).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/4/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th kết hôn với nhau ngày 19-11-2004 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Phú, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Th tại xóm Nguyễn Vượng, xã Hải Phú. Trong suốt 14 năm chung sống, giữa hai người luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh Th đi làm ăn xa quanh năm nhưng không đưa tiền về để chị H nuôi con và chi tiêu cho gia đình. Mặc dù vậy, chị H vẫn nhẫn nhịn chịu đựng để chăm lo cho hai con và gia đình. Hai năm trở lại đây, anh Th làm thầu xây dựng trên Hà Nội và công khai chung sống với người đàn bà khác như vợ chồng hiện đã có con riêng nên không có trách nhiệm gì với gia đình. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị H xin được ly hôn anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thu Hương, sinh ngày 27-02-2006 và cháu Trần Hương Ly, sinh ngày 12-02-2012, hiện cả 2 con đang ở với chị H. Theo chị H, từ khi sinh 2 con, anh Th đi làm ăn xa quanh năm nên không gần gũi các con; trong suốt thời gian ly thân, anh Th cũng không có trách nhiệm gì trong việc thăm nom, nuôi dưỡng con chung, chỉ một mình chị H lo toan kinh tế và dạy bảo các con. Nay anh Th cũng đã có con riêng, chị H đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị làm công nhân may, có thu nhập 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08-5-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn anh Trần Văn Th có lời khai phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, theo anh Th vợ chồng tuy đã sống ly thân nhưng mâu thuẫn không có gì đáng kể, chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh Th không nhất trí mà đề nghị Toà án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H đã trình bày. Do điều kiện công việc, anh phải đi làm ăn xa nhưng với mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng nên nếu phải ly hôn, anh Th xin nhận nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H, vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày. Anh Th vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đ úng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Th mặc dù đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị H và anh Th. Về con chung: Giao cả hai con chung của vợ chồng là Trần Thu Hương, sinh ngày 27-02-2006 và Trần Hương Ly, sinh ngày 12-02-2012 cho chị H tiếp tục nuôi đến khi đủ tuổi trưởng thành, anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ: Do chị H, anh Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Văn Th mặc dù đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Phú, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 19-11-2004. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người thường xuyên sống xa nhau nhưng lại không có sự tin tưởng lẫn nhau nên sinh ra nghi ngờ dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Chị H, anh Th đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau kể từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, anh Th đã không có trách nhiệm gì với mẹ con chị H trong suốt thời gian dài sống ly

thân nên chị H xin được ly hôn anh Th. Anh Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa phải quá lớn nên không nhất trí ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy: Chị H và anh Th đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm nghĩa vụ đối với nhau kể từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th là trầm trọng, cuộc sống chung không Th kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th có 02 con chung là cháu Trần Thu Hương, sinh ngày 27-02-2006 và cháu Trần Hương Ly, sinh ngày 12-02-2012; hiện cả 2 con chung đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù cả chị H và anh Th đều có nguyện vọng và khẳng định có đủ điều kiện nuôi cả 2 con. Tuy nhiên, căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của các bên; biên bản lấy lời khai của con chung; đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương, nơi làm việc của chị H, nơi học tập của 2 cháu Thu Hương và Hương Ly; căn cứ kết quả xác minh tại cơ sở xóm, xã nơi ở của các đương sự thì thấy: Anh Th làm nghề xây dựng quanh năm đi làm ăn xa nên không có điều kiện về thời gian để chăm sóc con. Về mức thu nhập trung bình của chị H và anh Th hàng tháng là tương đương nhau (từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng). Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân (từ 2016 cho đến nay), toàn bộ chi phí sinh hoạt, học tập, chăm lo đời sống cho 2 con chung là do một mình chị H đảm nhận; cháu Thu Hương có nguyện vọng xin được ở với mẹ; trong thời gian ở với mẹ cả 2 cháu đều được nuôi dạy chu đáo nên phát triển tốt cả về Th lực và trí lực. Do đó, xét cần giao cả 2 con chung của vợ chồng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và công nợ:* Chị H và anh Th đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên về tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thu Hương, sinh ngày 27/02/2006 và Trần Hương Ly, sinh ngày 12/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002489 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Phú: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vu Văn Ái**